UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2015/QĐ-UBND	*Đà Lạt, ngày 25 tháng 12 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 tháng 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm

2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Quy chế phối hợp hậu kiểm doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, KHĐT, NV;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Báo Lâm Đồng, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website VPUBND tỉnh;
- Lãnh đạo và CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH_2.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Việt

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 18 /2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong việc: trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; báo cáo tình hình và kết quả thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng *(sau đây gọi chung là cơ quan chức năng)*, bao gồm:

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố *(sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)*;

3. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương có liên quan đặt tại tỉnh;

4. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã)*.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điều 4: Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh được phân định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Công tác phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà làm cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính mà tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Điều 5. Nội dung phối hợp trong quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đối với các nội dung trong hồ sơ đăng ký:

a) Chấp hành quy định về thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Chấp hành quy định về đăng ký trụ sở chính của doanh nghiệp, về đăng ký địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh.

3. Kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh:

a) Chấp hành việc treo biển hiệu theo quy định;

b) Chấp hành quy định về đăng ký góp vốn của doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Chấp hành quy định về quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

d) Chấp hành quy định về đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

e) Chấp hành quy định về đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh;

g) Chấp hành quy định về điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện như: chứng chỉ hành nghề, giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, vốn pháp định và các điều kiện kinh doanh khác theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành quy định về sử dụng giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

i) Chấp hành quy định về tổ chức lại doanh nghiệp như: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập,...

4. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về công khai thông tin của doanh nghiệp:

a) Chấp hành việc công bố thông tin về đăng ký doanh nghiệp;

b) Chấp hành chế độ báo cáo, thông báo của doanh nghiệp;

c) Chấp hành chế độ lưu trữ và quản lý hồ sơ, con dấu của doanh nghiệp.

5. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ kế toán, kê khai và hoàn thành nghĩa vụ thuế và các khoản nghĩa vụ nộp ngân sách khác, đất đai, xây dựng, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, nhãn mác hàng hoá, lao động, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, phòng chống tội phạm,...của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Chương II
TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp và hộ kinh doanh

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ, điều lệ công ty; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp và các thông tin đăng ký khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm: đang hoạt động, đang làm thủ tục giải thể, đã giải thể, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh, đã chấm dứt hoạt động *(đối với đơn vị trực thuộc và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp)*.

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm: thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, doanh thu, lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật được báo cáo theo tháng, quý và năm. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp, hộ kinh doanh được báo cáo khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hộ kinh doanh về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối công khai và cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được công khai thông qua hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn;

b) Định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi danh sách kèm thông tin về các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi, tạm ngưng hoạt động, bị thu hồi, giải thể của tháng trước qua hộp thư điện tử công vụ đến các cơ quan chức năng cùng cấp trên địa bàn tỉnh;

c) Ngoài những thông tin cung cấp định kỳ quy định tại Khoản 1, 2 Điều 6 Quy chế này, Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp khi có yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước;

d) Quy trình cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, được thực hiện như sau:

- Cơ quan có nhu cầu thông tin gửi văn bản hoặc liên hệ trực tiếp Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cung cấp thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp bằng văn bản hoặc file điện tử cho phép sao chép, tải về máy tính và các thiết bị lưu trữ khác.

e) Trường hợp thông tin do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng thông báo bằng văn bản đến Sở Kế hoạch và Đầu tư biết và xử lý theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cung cấp thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Định kỳ 06 (sáu) tháng, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Cục Thuế tỉnh đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia với thông tin do cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động quá 01 (một) năm mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thanh tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Định kỳ vào tuần làm việc đầu tiên hàng tháng, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi danh sách hộ kinh doanh đã đăng ký tháng trước cho cơ quan thuế cùng cấp, Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh.

3. Định kỳ vào ngày 10 của tháng đầu quý, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đối chiếu với cơ quan thuế cùng cấp để thống nhất số liệu tổng hợp của hộ kinh doanh *(bao gồm: số lượng và vốn đăng ký của hộ kinh doanh thành lập mới, tạm ngưng, giải thể, thu hồi trong quý trước)* gửi Cục Thuế tỉnh và Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Định kỳ hàng quý, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phối hợp cơ quan thuế cùng cấp đối chiếu thông tin về tình trạng hoạt động, tình hình đăng ký, thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nghĩa vụ nộp ngân sách khác của hộ kinh doanh trên địa bàn; đối với hộ kinh doanh ngừng hoạt động quá 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh thì tiến hành kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động

xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh.

2. Khuyến khích các cơ quan chức năng trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

3. Cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Cục Thuế tỉnh là đầu mối trao đổi, cung cấp, công khai thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn của Tổng Cục Thuế để các cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng. Thông tin về người nộp thuế của các đơn vị được tra cứu tại trang thông tin điện tử của Tổng Cục Thuế: www.gdt.gov.vn.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp với các phòng ban chuyên môn cấp huyện cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh trên địa bàn.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư; bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; tình hình vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, như: hoạt động không đúng nội dung đăng ký kinh doanh, không đúng địa chỉ trụ sở, địa điểm kinh doanh đã đăng ký,...

2. Cục Thuế tỉnh công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn của Tổng Cục Thuế; công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị chây ỳ nộp các khoản nghĩa vụ khác đối với ngân sách nhà nước.

Định kỳ hàng quý, Cục Thuế tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đối chiếu danh sách doanh nghiệp không kê khai báo cáo thuế với danh sách doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng Cục Thuế.

Định kỳ hàng năm, thông báo đến Công an tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư danh sách doanh nghiệp không hoạt động kinh doanh trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngừng hoạt động 01 (một) năm liên tục, ra thông báo giải thể nhưng vẫn kinh doanh và danh sách các doanh nghiệp còn nợ đọng thuế,...

3. Các cơ quan chức năng khác có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

Thông tin công khai, gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Ủy ban nhân cấp huyện hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp, xác minh thông tin về doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn; phát hiện và báo cáo danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về trụ sở, biển hiệu; các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thông báo tạm ngừng hoạt động, giải thể hoặc bị đình chỉ hoạt động mà vẫn hoạt động; yêu cầu các hộ kinh doanh sử dụng thường xuyên trên 10 lao động phải chuyển sang hoạt động theo hình thức doanh nghiệp.

Chương III
PHỐI HỢP THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH CÓ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP.

Điều 11. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm pháp luật trong công tác quản lý doanh nghiệp

1. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Phối hợp trong xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm pháp luật trong công tác quản lý doanh nghiệp, bao gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp, hộ kinh doanh; yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm của tỉnh. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của kế hoạch thanh tra, kiểm tra của tỉnh.

2. Các cơ quan chức năng căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm.

Các cơ quan chức năng phải xác định cụ thể các doanh nghiệp dự kiến thanh tra, kiểm tra; nội dung và phạm vi thanh tra, kiểm tra; đề xuất cơ quan chủ trì và các cơ quan liên quan phối hợp; thời điểm và thời gian triển khai đối với từng doanh nghiệp trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước theo ngành đề xuất thanh tra, kiểm tra hàng năm chiếm từ 2-5% tổng số doanh nghiệp hoạt động ở lĩnh vực liên quan trực tiếp đến chức năng quản lý nhà nước của ngành và phân bố hợp lý theo loại hình doanh nghiệp, luân phiên thực hiện theo địa bàn, không tập trung vào một số doanh nghiệp cố định; không trùng lặp, không kiểm tra quá 01 (một) lần về cùng một nội dung trong 01 (một) năm đối với một doanh nghiệp *(trừ trường hợp bất thường)*. Trường hợp có nhiều cơ quan chức năng quản lý nhà nước của nhiều ngành khác nhau cùng đề xuất thanh tra, kiểm tra đối với một doanh nghiệp trong 01 (một) năm thì thành lập đoàn kiểm tra liên ngành.

Việc thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do các cơ quan chức năng quản lý trực tiếp chủ trì.

Doanh nghiệp được thanh tra đột xuất thuộc các trường hợp: (1) doanh nghiệp có dấu hiệu không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, về kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế..., (2) doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong sản xuất kinh doanh, (3) theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và các trường hợp khác theo quy định.

Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các cơ quan chức năng gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau của cơ quan, đơn vị đến Thanh tra tỉnh.

Căn cứ vào định hướng, chương trình, kế hoạch công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh tổng hợp yêu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng, xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau của tỉnh và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau của tỉnh để các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra độc lập, Thủ trưởng cơ quan chức năng phải báo cáo xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương hoạt động tại địa phương phải tham khảo kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan khác trên địa bàn trước khi ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra để tránh trùng lặp; gửi Thanh tra tỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp sau khi được cấp trên phê duyệt.

4. Thanh tra tỉnh thông báo bằng văn bản kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đến các cơ quan chức năng có liên quan để phối hợp thực hiện.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra liên ngành, Thanh tra tỉnh phối hợp các cơ quan liên quan lập danh sách cán bộ tham gia; đồng thời, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu doanh nghiệp có liên quan đến nội dung thanh tra theo yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Cơ quan chủ trì phải thông báo trước thời gian thanh tra, kiểm tra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai trực tiếp tại trụ sở của doanh nghiệp hoặc nơi tiến hành kiểm tra, xác minh.

Kết quả kiểm tra liên ngành phải gửi các cơ quan tham gia và Thanh tra tỉnh. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp cần thanh tra, kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra theo quy định.

3. Trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phải kịp thời thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

4. Biên bản thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được các bên tham gia xác nhận và được bảo lưu ý kiến nếu có nội dung chưa thống nhất; cơ quan cử

cán bộ tham gia trong đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận của mình.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải công bố và công khai cho các cơ quan chức năng có liên quan và gửi Thanh tra tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã trong việc lập kế hoạch và phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh

1. Quy trình phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh của các phòng ban chuyên môn cấp huyện được thực hiện tương ứng như quy trình phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan cấp tỉnh và phù hợp với đặc thù của cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh trên địa bàn để và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Chủ động xử lý vi phạm đối với các hộ kinh doanh trên địa bàn theo thẩm quyền và phân cấp quản lý theo quy định. Phối hợp với các cơ quan chức năng cấp tỉnh xử lý vi phạm của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phát hiện và phản ánh kịp thời những sai phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đóng trên địa bàn đến các cơ quan chức năng để kịp thời xử lý theo quy định. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định về việc doanh nghiệp và hộ kinh doanh vi phạm quy định về đăng ký doanh nghiệp;

b) Phối hợp các phòng ban chuyên môn của cấp huyện trong việc thanh tra, kiểm tra và xác minh thông tin về hộ kinh doanh trên địa bàn theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Cơ quan cấp đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị định hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh

thông tin, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân, tổ chức có liên quan. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh phải được trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa bàn quản lý;

b) Cơ quan Công an có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo hoặc nghi vấn giả mạo và cung cấp kết quả kịp thời theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân;

c) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cơ quan cấp Đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định; đồng thời, thông báo cho cơ quan chức năng đã có văn bản đề nghị thu hồi.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quyết định xử phạt hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành; đồng thời, yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp đăng ký kinh doanh trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp

thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

b) Đề nghị cơ quan cấp đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi cơ quan cấp đăng ký kinh doanh nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện; đồng thời, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh không tạm ngừng kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp báo cáo giải trình; trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh không báo cáo giải trình theo yêu cầu, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

4. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Chương III
BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

d) Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Định kỳ vào tháng 01 hàng năm:

a) Các cơ quan chức năng báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đối với những ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình phối hợp thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn.

2. Định kỳ vào tháng đầu quý và tháng 01 hàng năm, Cục Thuế tỉnh cung cấp thông tin theo Khoản 4 Điều 9 Quy chế này của quý, năm trước liền kề, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê, Thanh tra tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để thống nhất sử dụng trong công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 2 Điều 17 Quy chế này. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 17 Quy chế này. Báo cáo tổng hợp bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Trong tháng 02 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của năm trước theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời, gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, tổ chức liên quan căn cứ vào các nhiệm vụ được phân công trong Quy chế này chủ động tổ chức, phối hợp và triển khai thực hiện có hiệu quả.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra tỉnh, Cục Thuế tỉnh phối hợp theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế phối hợp này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này; cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy chế phối hợp

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Việt